

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày 23/6/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Phan Công Rô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự số 14/2022/TB-TA ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Viết tắt là ngân hàng B).

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang K, phường T, quận H, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Phó chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B– chi nhánh tỉnh Kiên Giang. (Theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

Địa chỉ trụ sở Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh Kiên Giang: Số C9-19 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Văn P. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền số 271/2021/QĐ-LienVietPostBank.KG ngày 04/01/2022). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lương Thị Cẩm N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 19/9/2018, Ngân hàng B và bà Lương Thị Cẩm N có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A, trong đó:

- Ngân hàng B cho bà Lương Thị Cẩm N vay số tiền 250.000.000 đồng;
- Thời hạn vay 60 tháng,
- Lãi suất cho vay ban đầu là 13,2%/năm;
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
- Kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 15 hàng tháng chia thành 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 4.170.000 đồng, kỳ cuối trả 3.970.000 đồng kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2018;
- Kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc, lãi tính theo dư nợ gốc thực tế;
- Tài sản bảo đảm không có.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lương Thị Cẩm N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Tính đến ngày 22/6/2022 bà Lương Thị Cẩm N còn nợ ngân hàng B tổng cộng là 244.586.819 đồng bao gồm nợ gốc là 187.450.000 đồng và tiền lãi

là 57.136.819 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 36.571.826 đồng, lãi quá hạn là 18.785.208 đồng và phạt chậm trả lãi là 1.779.785 đồng).

Nay Ngân hàng B yêu cầu bà Lương Thị Cẩm N phải thanh toán số nợ 244.586.819 đồng bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi, đồng thời tiếp tục yêu cầu bà Lương Thị Cẩm N phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thanh toán xong nợ.

Bị đơn bà Lương Thị Cẩm N đã được tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng thời không gửi ý kiến phản hồi trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là toàn bộ hồ sơ vay vốn trong đó có Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của bà Lương Thị Cẩm N; các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn (Tất cả đều là bản phô tô có xác nhận) và bản tự khai.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện trả nợ do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng do đó xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A được ký kết trên tinh thần tự nguyện, được lập thành văn bản, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và là hợp đồng hợp pháp. Kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập các bên có trách nhiệm thực hiện những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhận thấy: Vào ngày 20/9/2018 Ngân hàng B đã thực hiện giải ngân cho bà Lương Thị Cẩm N vay số tiền 240.000.000 đồng, việc giải ngân được thể hiện cùng trong hợp đồng tín dụng có chữ ký xác nhận của bà Lương Thị Cẩm N. Sau khi vay vốn bà Lương Thị Cẩm N đã trả nợ theo hợp đồng đến ngày tháng 6 năm 2020 và từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay bà Lương Thị Cẩm N không thực hiện nghĩa vụ khi đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Việc bên vay không thực hiện trả vốn và lãi theo hợp đồng đã vi phạm quy định tại khoản 4 của hợp đồng Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A, căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc bà Lương Thị Cẩm N phải trả cho Ngân hàng B số tiền 244.586.819 đồng (Tạm tính đến ngày 22/6/2022), đồng thời tiếp tục phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A từ ngày 23/6/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A thể hiện ngân hàng B cấp tín dụng cho bà Lương Thị Cẩm N vay vốn không có tài sản bảo đảm do đó không xem xét xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B được chấp nhận nên buộc bà Lương Thị Cẩm N phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là: 244.586.819 đồng $\times 5\% = 12.229.340$ đồng.

Hoàn trả cho ngân hàng B số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 5.187.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004562 ngày 10/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Các điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A ngày 19/9/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với bà Lương Thị Cẩm N do bà Lương Thị Cẩm N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

Buộc bà Lương Thị Cẩm N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 244.586.819 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn,

tám trăm mười chín đồng), trong đó nợ gốc là 187.450.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi suất tính đến ngày 22/6/2022 là 57.136.819 đồng (Năm mươi bảy triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm mười chín đồng), bao gồm: lãi trong hạn 36.571.826 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng), lãi quá hạn 18.785.208 đồng (Mười tám triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh tám đồng) và lãi phạt lãi chậm trả là 1.779.785 đồng (Một triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng) đồng thời tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011909180486A ký ngày 19/9/2018 kể từ ngày 23/6/2022 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lương Thị Cẩm N nộp án phí dân sự sơ thẩm là 12.229.340 đồng (Mười hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả cho ngân hàng B số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 5.187.000 đồng (Năm triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004562 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

4. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 23/6/2022. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm